

Số: 41/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công  
vốn ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí định mức  
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của  
Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn  
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của  
Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2020  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức  
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025  
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn  
ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch đầu tư  
công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch  
đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn  
vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và điều chỉnh Kế hoạch đầu tư  
công vốn ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Tuyên Quang;*

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 313/BC-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Tuyên Quang như sau:**

**I. Tổng số vốn ngân sách địa phương năm 2023: 1.484.030 triệu đồng, trong đó:**

**1. Vốn ngân sách địa phương: 1.121.890 triệu đồng, gồm:**

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 556.740 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 543.150 triệu đồng; trong đó:
  - + Phân cấp về cấp tỉnh: 120.700 triệu đồng (Chi cho công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (10%): 60.350 triệu đồng; xây dựng nông thôn mới: 24.140 triệu đồng; bổ sung vốn đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (giai đoạn 1): 36.210 triệu đồng
  - + Số thu tiền sử dụng đất tại các huyện, thành phố: 482.800 triệu đồng, trong đó: Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị miền núi phía Bắc: 4.487 triệu đồng; số thu tiền sử dụng đất phải trích lập quỹ phát triển đất hằng năm (dùng thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Tài chính): 144.840 triệu đồng, số vốn này các huyện, thành phố không thực hiện phân bổ chi tiết trong kế hoạch đầu tư công năm 2023; Chi đầu tư: 333.473 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu từ Xổ số kiến thiết: 22.000 triệu đồng.

**2. Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư: 362.140 triệu đồng.**

*(Chi tiết theo Biểu số 01 kèm theo)*

**II. Phân bổ vốn chi tiết cho các danh mục công trình, dự án: 1.484.030 triệu đồng, trong đó:**

**1. Vốn ngân sách địa phương: 1.121.890 triệu đồng, gồm:**

- 1.1. Phân cấp cho huyện, thành phố quản lý: 520.300 triệu đồng, gồm:
  - Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 37.500 triệu đồng.
  - Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 482.800 triệu đồng (trong đó: Chi đầu tư các huyện, thành phố được phân bổ: 333.473 triệu đồng; chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị Miền núi phía Bắc: 4.487 triệu đồng; chưa phân bổ: 144.840 triệu đồng).
- 1.2. Chi trả nợ gốc, lãi các khoản vay lại của chính phủ: 3.128 triệu đồng.
- 1.3. Kiên cố hóa kênh mương: 20.000 triệu đồng.

1.4. Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn: 30.000 triệu đồng, trong đó:

- Xây dựng cầu (39 cầu): 20.000 triệu đồng.
- Đường thôn và đường nội đồng: 10.000 triệu đồng.

1.5. Công trình dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm 2022: (22 công trình): 31.709,44 triệu đồng; trong đó:

- Công trình đã phê duyệt quyết toán (09 công trình): 5.220,12 triệu đồng.
- Công trình chưa phê duyệt quyết toán (13 công trình): 26.489,32 triệu đồng.

1.6. Hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch ngân sách cấp tỉnh (02 công trình): 13.359 triệu đồng, trong đó:

+ Công trình thủy lợi Đồng Trại, thôn Phú Nhiêu, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương: 8.359 triệu đồng.

+ Khắc phục khẩn cấp tình trạng sạt lở bờ sông Lô thuộc địa bàn phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang: 5.000 triệu đồng.

1.7. Công trình chuyển tiếp (50 công trình): 431.053,56 triệu đồng, trong đó:

- Công trình dự kiến hoàn thành năm 2023 (35 công trình): 326.053,56 triệu đồng (trong đó, đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (giai đoạn 1): 150.000 triệu đồng).

- Công trình dự kiến hoàn thành sau năm 2023 (15 công trình): 105.000 triệu đồng.

1.8. Công trình dự kiến khởi công mới năm 2023 (09 công trình): 33.500 triệu đồng.

1.9. Công trình chuẩn bị đầu tư được bố trí vốn (04 công trình): 6.500 triệu đồng.

1.10. Vốn Ngân sách địa phương bổ sung Chương trình mục tiêu quốc gia : 26.340 triệu đồng.

1.11. Vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Tuyên Quang thuộc dự án xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía Bắc: 6.000 triệu đồng.

**2. Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư: 362.140 triệu đồng, trong đó:**

2.1. Hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương: 10.000 triệu đồng.

2.2. Xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn thuộc Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn giai đoạn 2021 - 2025: 43.000 triệu đồng.

2.3. Công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán (04 công trình): 9.016 triệu đồng.

2.4. Hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch ngân sách cấp tỉnh (01 công trình): 5.000 triệu đồng.

2.5. Công trình chuyển tiếp được phân bổ vốn (10 công trình): 191.124 triệu đồng; gồm:

- Công trình dự kiến hoàn thành năm 2023 (04 công trình): 138.418 triệu đồng; *trong đó: đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (giai đoạn 1): 124.140 triệu đồng.*

- Công trình dự kiến hoàn thành sau năm 2023 (04 công trình): 52.706 triệu đồng.

2.6. Công trình khởi công mới được bố trí vốn (04 công trình): 37.000 triệu đồng.

2.7. Công trình (*đến ngày 30/11/2022 chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư*) đang hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định (05 công trình): 52.000 triệu đồng.

2.8. Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Na Hang - Lâm Bình: 2.000 triệu đồng.

2.9. Vốn điều lệ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh: 3.000 triệu đồng.

2.10. Vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách: 8.000 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Biểu số 02 kèm theo)*

**3. Công trình hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán:** Sau khi được phê duyệt quyết toán số vốn còn thiếu sẽ được bố trí theo quy định.

*(Chi tiết theo Biểu số 03 kèm theo)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

**CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Kim Dung**

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Vốn NSDP Trung ương giao	Vốn NSDP tỉnh giao	Ghi chú
1	2	3	4	5
	<b>TỔNG SỐ (A+B)</b>	<b>1.158.740</b>	<b>1.484.030</b>	
<b>A</b>	<b>VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO</b>	<b>1.158.740</b>	<b>1.121.890</b>	
	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	<b>1.158.740</b>	<b>1.121.890</b>	
1	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	556.740	556.740	
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	580.000	543.150	
	Tổng số thu tiền sử dụng đất các huyện, thành phố:		603.500	
	<i>Trong đó:</i>			
<b>a)</b>	<b>Điều tiết về tỉnh (20%)</b>		<b>120.700</b>	
	- Chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất.		60.350	
	- Xây dựng Nông thôn mới		24.140	
	- Chi đầu tư (bố trí đường cao tốc Tuyên Quang - Phú thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (giai đoạn 1))		36.210	
<b>b)</b>	<b>Phân chia tại huyện, thành phố</b>		<b>482.800</b>	
	- Số thu tiền sử dụng Đất phải trích lập quỹ phát triển đất hằng năm (dùng thực hiện theo chỉ đạo của Bộ tài chính)		144.840	Các huyện, thành phố không thực hiện phân bổ chi tiết trong Kế hoạch ĐTC năm 2023
	- Chi đầu tư		333.473	
	- Chi trả nợ gốc và lãi (Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang)		4.487	
3	Vốn thu từ Xổ số kiến thiết	22.000	22.000	
<b>B</b>	<b>NGUỒN TẶNG THU NS, TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN CHUYỂN SANG ĐẦU TƯ</b>	-	<b>362.140</b>	
1	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		362.140	

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2022	KẾ HOẠCH 2023 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Trong đó:									
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng Đất				Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Chi đầu tư	Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị MNPB	Chưa phân bổ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<b>TỔNG SỐ</b>							<b>1.484.030,00</b>	<b>556.740,00</b>	<b>22.000,00</b>	<b>543.150,00</b>	<b>393.823,00</b>	<b>4.487,00</b>	<b>144.840,00</b>	<b>362.140,00</b>		
<b>I</b>	<b>VỐN PC CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ</b>							<b>520.300,00</b>	<b>37.500,00</b>		<b>482.800,00</b>	<b>333.473,00</b>	<b>4.487,00</b>	<b>144.840,00</b>			
<b>I.1</b>	<b>CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC</b>							<b>37.500,00</b>	<b>37.500,00</b>								
1	Huyện Na Hang							5.100,00	5.100,00								
2	Huyện Lâm Bình							5.000,00	5.000,00								
3	Huyện Chiêm Hoá							6.300,00	6.300,00								
4	Huyện Hàm Yên							4.800,00	4.800,00								
5	Huyện Yên Sơn							6.400,00	6.400,00								
6	Huyện Sơn Dương							6.200,00	6.200,00								
7	Thành phố Tuyên Quang							3.700,00	3.700,00								
<b>I.2</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>							<b>482.800,00</b>			<b>482.800,00</b>	<b>333.473,00</b>	<b>4.487,00</b>	<b>144.840,00</b>			
<i>a)</i>	<i>Chi đầu tư</i>							<i>478.313,00</i>			<i>478.313,00</i>	<i>333.473,00</i>		<i>144.840,00</i>			
1	Huyện Na Hang							6.400,00			6.400,00	4.480,00		1.920,00			
2	Huyện Lâm Bình							6.400,00			6.400,00	4.480,00		1.920,00			
3	Huyện Chiêm Hoá							22.400,00			22.400,00	15.680,00		6.720,00			
4	Huyện Hàm Yên							35.200,00			35.200,00	24.640,00		10.560,00			
5	Huyện Yên Sơn							52.400,00			52.400,00	36.680,00		15.720,00			
6	Huyện Sơn Dương							120.000,00			120.000,00	84.000,00		36.000,00			
7	Thành phố Tuyên Quang							235.513,00			235.513,00	163.513,00		72.000,00			
<i>b)</i>	<i>Chi trả nợ gốc và lãi</i>							<i>4.487,00</i>			<i>4.487,00</i>		<i>4.487,00</i>				
<b>II</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC, LÃI CÁC KHOẢN VAY LẠI CỦA CHÍNH PHỦ</b>							<b>3.128,00</b>	<b>3.128,00</b>								
<b>III</b>	<b>HỖ TRỢ KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG (THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 09/NQ-HĐND NGÀY 15/12/2020 CỦA HĐND TỈNH)</b>						<b>121.000,00</b>	<b>30.000,00</b>	<b>20.000,00</b>					<b>10.000,00</b>		Có kế hoạch phân bổ riêng	Tổng số kinh phí dự kiến: 50.000 triệu đồng
<b>IV</b>	<b>ĐỀ ÁN BÊ TÔNG HÓA ĐƯỜNG GTNT VÀ XÂY DỰNG CẦU TRÊN ĐƯỜNG GTNT GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>						<b>219.410,38</b>	<b>73.000,00</b>	<b>30.000,00</b>					<b>43.000,00</b>			
1	Cầu trên đường GTNT						<b>131.000,00</b>	<b>63.000,00</b>	<b>20.000,00</b>					<b>43.000,00</b>	Sở Giao thông Vận tải (Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng)	Năm 2023, xây dựng 39 cầu; Dự kiến kinh phí: 91.600 trđ;	
2	Đường thôn và đường nội đồng						<b>88.410,38</b>	<b>10.000,00</b>	<b>10.000,00</b>						Các huyện, thành phố (Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng)	Dự kiến kinh phí: 67.000 trđ; trong đó: XDCB vốn tập trung trong nước: 37.000 trđ (Vốn phân cấp cho huyện, thành phố: 27.000 trđ; Vốn tình quân lý: 10.000 trđ);	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2022	KẾ HOẠCH 2023 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Trong đó:									
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng Đất				Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Chi đầu tư	Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị MNPB	Chưa phân bổ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
V	<b>CT DỰ KIẾN HOÀN THÀNH, BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG ĐẾN NGÀY 31/12/2022</b>			1.335.218,33	824.662,26	423.597,86	1.119.532,64	40.725,44	30.680,44	1.029,00					9.016,00		26 Công trình
V.1	<b>Công trình đã phê duyệt quyết toán</b>			440.875,40	434.331,08	403.032,17	398.483,57	5.220,12	4.191,12	1.029,00							09 Công trình
1	Khắc phục khẩn cấp tình trạng sạt lở bờ sông Lô thuộc địa bàn phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang			14.950,00	14.950,00	14.909,51	14.000,00	909,51	909,51								Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT.
2	Trụ sở UBND xã Phú Lưu, huyện Hàm Yên	2020-2021		4.981,66	4.981,66	4.735,19	4.550,00	185,000	185,00								BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2020-2021		2.478,24	2.478,24	2.264,27	2.320,13	216,00		216,00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp
4	Trạm Y tế xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn	2020-2021		3.072,57	3.072,57	2.900,79	3.050,00	251,00		251,00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2020-2021		3.768,23	3.768,23	3.534,71	2.972,38	562,00		562,00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp
6	Trường THPT Lâm Bình, huyện Lâm Bình	2017-2019		28.733,18	28.733,18	26.785,56	26.427,56	358,00	358,00								BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp
7	Xây công trình Trường PTDTNT ATK Sơn Dương - giai đoạn 2	2020-2022		8.341,90	8.341,90	7.785,26	7.572,06	213,20	213,20								BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp
8	Đường Kiên Đài -Khuôn Miếng, huyện Chiêm Hóa (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Kiên Đài đến đầu cầu Khuôn Miếng - thôn Nà Pó)	2018-2022		81.079,09	74.534,76	63.345,00	61.834,28	1.510,70	1.510,70								BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông
9	Quảng trường, Cùm tượng đài Bác Hồ với Nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang; Tr. đó Giai đoạn I: Quảng trường Nguyễn Tất thành	2012-2016		293.470,54	293.470,54	276.771,89	275.757,17	1.014,71	1.014,71								Sở Xây Dựng
V.2	<b>Công trình chưa phê duyệt quyết toán</b>			894.342,93	390.331,18	20.565,69	721.049,07	35.505,32	26.489,32						9.016,00		17 Công trình
1	Sàn nền; Hạ tầng kỹ thuật; Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường Đại học Tân Trào	2016-2020		80.000,00	80.000,00		73.246,31	4.000,00	4.000,00								Trường Đại học Tân Trào
2	Xây dựng trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS, huyện Lâm Bình	2016-2020		53.211,64	50.182,52	20.565,69	48.250,18	556,00						556,00			UBND huyện Lâm Bình
3	Dự án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		65.338,00	52.277,80		45.000,00	7.247,52	7.247,52								Sở NN&PTNT
4	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Chi Thiết, huyện Sơn Dương	2021-2022		14.000,00	14.000,00		12.369,41	1.000,00	1.000,00								UBND huyện Sơn Dương
5	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	2021-2022		13.000,00	13.000,00		11.500,00	1.000,00	1.000,00								UBND huyện Sơn Dương
6	Trụ sở UBND xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	2021-2023		10.000,00	10.000,00		9.000,00	500,00	500,00								UBND huyện Sơn Dương
7	Trụ sở UBND xã Trưng Yên, huyện Sơn Dương	2021-2023		10.000,00	10.000,00		8.000,00	1.500,00	1.500,00								UBND huyện Sơn Dương
8	Trụ sở UBND xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	2021-2023		10.000,00	10.000,00		9.000,00	500,00	500,00								UBND huyện Hàm Yên
9	Trụ sở UBND xã Thành Long, huyện Hàm Yên	2021-2023		10.000,00	10.000,00		9.000,00	500,00	500,00								UBND huyện Hàm Yên
10	Công trình A04 của tỉnh Tuyên Quang	2016-2018		49.184,26	49.184,26		46.142,76	2.460,00						2.460,00			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
11	Dự án xây dựng 7,5Km đường điện, 01 TBA đi thôn Bán Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2020-2021		13.357,41	13.357,41		12.350,00	741,80	741,80								UBND huyện Na Hang
12	Bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị bảo vật quốc gia Bia Bảo Ninh Sùng Phúc, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.	2021-2022		3.269,24	3.269,24		1.200,00	2.000,00						2.000,00			Bảo Tàng tỉnh
13	Dự án đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin tỉnh tuyên quang tiến tới cuộc cách mạng 4.0, giai đoạn 2021 – 2022.	2021-2023		9.076,27	9.076,27		7.000,00	1.300,00	1.300,00								Sở Thông tin và truyền thông
14	Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2020 tầm nhìn đến năm 2050	2020-2021		48.872,69	48.872,69		29.660,27	6.000,00	6.000,00								Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2022	KẾ HOẠCH 2023 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Tổng số	Trong đó:				Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư				
									XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng Đất						
											Tổng số	Chi đầu tư		Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị MNPB	Chưa phân bổ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
15	Hệ thống chiếu sáng công trình - Dự án 02 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đầu nối với các tuyến QL37, QL2C, đường Hồ Chí Minh liên kết với đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Lào Cai-Nội Bài					17.111,00	12.055,00	4.000,00							4.000,00	UBND Thành phố Tuyên Quang	
16	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)			251.660,00			214.103,41	600,00	600,00							BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Vốn đối ứng NSDP
17	Chương trình Mô rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (Vốn WB)			253.373,42			173.171,73	1.600,00	1.600,00								Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng
<b>VI</b>	<b>HOÀN TRẢ VỐN ỨNG TRƯỚC KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>			<b>102.324,04</b>	<b>102.324,04</b>	<b>14.909,51</b>	<b>77.709,00</b>	<b>18.359,00</b>	<b>13.359,00</b>						<b>5.000,00</b>		<b>03 Công trình</b>
1	Tu bổ, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Tuyên Quang	2019-2022		50.449,62	50.449,62		32.600,00	5.000,00							5.000,00	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Vốn của Bộ LĐTB&XH (Năm 2022, ứng trước ngân sách tỉnh: 5.000 trđ); Năm 2023, bố trí hoàn trả ngân sách tỉnh: 5.000 trđ
2	Công trình thủy lợi Đồng Trai, thôn Phú Nhiêu, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2020-2022		36.924,41	36.924,41		31.109,00	8.359,00	8.359,00							BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
3	Khắc phục khẩn cấp tình trạng sạt lở bờ sông Lô thuộc địa bàn phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang			14.950,00	14.950,00	14.909,51	14.000,00	5.000,00	5.000,00							Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
<b>VII</b>	<b>CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP</b>			<b>8.225.714,86</b>	<b>2.617.584,62</b>	<b>28.038,96</b>	<b>3.858.164,76</b>	<b>622.177,56</b>	<b>376.072,56</b>	<b>18.771,00</b>	<b>36.210,00</b>	<b>36.210,00</b>			<b>191.124,00</b>		<b>60 Công trình</b>
<b>VII.1</b>	<b>CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN HOÀN THÀNH NĂM 2023</b>			<b>5.185.614,35</b>	<b>1.226.416,49</b>	<b>28.038,96</b>	<b>2.745.808,37</b>	<b>464.471,56</b>	<b>271.072,56</b>	<b>18.771,00</b>	<b>36.210,00</b>	<b>36.210,00</b>			<b>138.418,00</b>		<b>40 Công trình</b>
(1)	<b>Giao thông</b>			<b>3.865.937,72</b>	<b>149.775,44</b>		<b>2.101.413,18</b>	<b>340.085,00</b>	<b>175.000,00</b>						<b>128.875,00</b>		
1	Xây dựng hạ tầng khu vực bến thủy vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Ba Đạo đi qua Hang Khảo đến bến thủy lòng hồ thủy điện Tuyên Quang, huyện Na Hang.	2021-2023		44.980,00	44.979,72		30.168,18	5.000,00	5.000,00							UBND huyện Na Hang	
2	Xây dựng cầu Trắng 2 qua sông Phó Đáy, di khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2021-2023		44.900,00	41.708,00		15.245,00	10.000,00	10.000,00							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2021-2024		3.712.970,00			2.025.000,00	310.350,00	150.000,00						124.140,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	Năm 2023 dự kiến vốn NSTW: 75.000 trđ
4	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường DH.04 đoạn từ Quốc lộ 279 đến Trung tâm xã Hồng Thái, huyện Na Hang	2021-2023		43.950,00	43.950,00		21.000,00	10.000,00	10.000,00							UBND huyện Na Hang	
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ Khu di tích Bộ Tài chính thôn Đồng Tâm nối với đường DH.06 (Vinh Quang - Bình Nhân) tại Km4+100, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2022-2023		19.137,72	19.137,72		10.000,00	4.735,00							4.735,00	Sở Tài chính	
(2)	<b>Nông, lâm nghiệp, thủy lợi</b>			<b>201.856,41</b>	<b>175.800,94</b>	<b>28.038,96</b>	<b>134.578,88</b>	<b>13.857,56</b>	<b>8.272,56</b>						<b>5.585,00</b>		
1	Công trình thủy lợi Đồng Trai, thôn Phú Nhiêu, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2020-2022		36.924,41	36.924,41		31.109,00	3.272,56	3.272,56							BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
2	Khắc phục khẩn cấp tình trạng sạt lở bờ sông Lô khu vực bến Đất thuộc địa bàn phường Hưng Thành, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang	2022-2023		14.800,00	14.800,00		9.215,00	5.585,00							5.585,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
3	Dự án Kè bờ suối Nặm Chang bảo vệ khu trung tâm hành chính huyện Lâm Bình (Năm 2023 bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn GD 3)			150.132,00	124.076,53	28.038,96	94.254,88	5.000,00	5.000,00							UBND huyện Lâm Bình	
(3)	<b>Quản lý Nhà nước</b>			<b>315.649,28</b>	<b>315.649,28</b>		<b>180.200,00</b>	<b>54.258,00</b>	<b>50.300,00</b>						<b>3.958,00</b>		
1	Trụ sở UBND xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.620,30	11.620,30		7.000,00	3.000,00	3.000,00							UBND huyện Yên Sơn	
2	Trụ sở UBND xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	2021-2023		14.998,00	14.998,00		7.000,00	3.000,00	3.000,00							UBND huyện Yên Sơn	



STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2022	KẾ HOẠCH 2023 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Tổng số	Trong đó:				Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư				
									XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng Đất						
											Tổng số	Chi đầu tư		Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị MNPB	Chưa phân bổ		
9	10	11	12	13	14	15	16	17	18								
3	Trụ sở UBND xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.768,61	12.768,61		8.500,00	1.500,00	1.500,00						UBND huyện Yên Sơn		
4	Trụ sở UBND xã Quý Quân, huyện Yên Sơn	2021-2023		14.997,00	14.997,00		7.000,00	3.000,00	3.000,00						UBND huyện Yên Sơn		
5	Trụ sở UBND xã Công Đa, huyện Yên Sơn	2021-2023		11.771,14	11.771,14		8.000,00	2.000,00	2.000,00						UBND huyện Yên Sơn		
6	Trụ sở UBND xã Chấn Sơn, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.649,70	12.649,70		7.500,00	2.500,00	2.500,00						UBND huyện Yên Sơn		
7	Trụ sở UBND xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.717,62	12.717,62		8.600,00	1.400,00	1.400,00						UBND huyện Yên Sơn		
8	Trụ sở UBND xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.719,60	12.719,60		9.100,00	900,00	900,00						UBND huyện Yên Sơn		
9	Trụ sở UBND xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn	2021-2023		13.349,75	13.349,75		9.000,00	1.000,00	1.000,00						UBND huyện Yên Sơn		
10	Trụ sở UBND xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.617,54	12.617,54		7.000,00	3.000,00	3.000,00						UBND huyện Yên Sơn		
11	Trụ sở UBND xã Lục Hành, huyện Yên Sơn	2021-2023		13.149,60	13.149,60		7.000,00	3.000,00	3.000,00						UBND huyện Yên Sơn		
12	Trụ sở UBND xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	2021-2023		14.684,20	14.684,20		9.000,00	1.000,00	1.000,00						UBND huyện Yên Sơn		
13	Trụ sở UBND xã Tân Long, huyện Yên Sơn	2021-2023		12.344,41	12.344,41		7.000,00	3.000,00	3.000,00						UBND huyện Yên Sơn		
14	Trụ sở UBND xã Tri Phú, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.356,61	13.356,61		8.000,00	2.000,00	2.000,00						UBND huyện Chiêm Hóa		
15	Trụ sở UBND xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.316,06	13.316,06		8.000,00	2.000,00	2.000,00						UBND huyện Chiêm Hóa		
16	Trụ sở UBND xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.378,69	13.378,69		8.000,00	2.000,00	2.000,00						UBND huyện Chiêm Hóa		
17	Trụ sở UBND xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		14.900,00	14.900,00		7.000,00	3.000,00	3.000,00						UBND huyện Chiêm Hóa		
18	Trụ sở UBND xã Phúc Sơn, huyện Lâm Bình	2021-2023		13.664,79	13.664,79		9.500,00	500,00	500,00						UBND huyện Lâm Bình		
19	Trụ sở UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		14.900,00	14.900,00		7.000,00	3.000,00	3.000,00						UBND huyện Chiêm Hóa		
20	Trụ sở UBND Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		13.371,44	13.371,44		8.000,00	2.000,00	2.000,00						UBND huyện Chiêm Hóa		
21	Trụ sở UBND Phường Mỹ Lâm, TP. Tuyên Quang	2021-2023		21.755,00	21.755,00		7.000,00	3.000,00	3.000,00						UBND TP Tuyên Quang		
22	Xây dựng trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Tuyên Quang	2021-2023		18.356,21	18.356,21		12.000,00	4.500,00	4.500,00						Văn phòng UBND tỉnh		
23	Dự án Khu di tích xương Quân khí H52 (thôn Nà Tông, xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang)	2022-2024		8.263,00	8.263,00		4.000,00	3.958,00						3.958,00	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Vốn NSDP: 7.958,219 trđ, đóng góp của cán bộ, chiến sĩ Bộ CHQS tỉnh: 305,639 trđ	
(4)	<b>Giáo dục và đào tạo</b>			<b>80.492,26</b>	<b>64.692,26</b>		<b>42.783,36</b>	<b>13.271,00</b>		<b>13.271,00</b>							
1	Xây dựng Khoa Dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang			45.000,00	29.200,00		24.000,00								Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quan	Vốn NSTW	
2	Xây dựng nhà lớp học 02 tầng; nhà bán trú; phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ trường PTDT bán trú THCS Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2021-2023		22.000,00	22.000,00		13.383,36	7.501,00		7.501,00					UBND huyện Yên Sơn		
3	Xây dựng và sửa chữa Trường THPT Trung Sơn, huyện Yên Sơn.	2021-2023		13.492,26	13.492,26		5.400,00	5.770,00		5.770,00					Sở Giáo dục và đào tạo		
(5)	<b>Y tế</b>			<b>85.953,00</b>	<b>85.953,00</b>		<b>60.300,00</b>	<b>19.500,00</b>	<b>14.000,00</b>	<b>5.500,00</b>							
1	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y, Dược cổ truyền Tuyên Quang			72.453,00	72.453,00		55.300,00	14.000,00	14.000,00						Bệnh viện Y, Dược cổ truyền		
2	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Đa khoa Kim Xuyên, huyện Sơn Dương	2022-2023		13.500,00	13.500,00		5.000,00	5.500,00		5.500,00					Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp		



STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2022	KẾ HOẠCH 2023 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Trong đó:									
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng Đất				Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Chi đầu tư	Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị MNPB	Chưa phân bổ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
15	Khu dân cư xã Trung Môn			850,00	850,00		500,00										
16	Quy hoạch chung khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng, và dự án Sân golf hồ ngòi Là tại các xã Chân Sơn, Trung Môn huyện Yên Sơn, xã Kim Phú thành phố Tuyên Quang			3.700,00	3.700,00		500,00										
17	Khu đô thị mới Ý La			1.235,00	1.235,00		500,00										
18	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu nhà ở Hưng Thành			708,32	708,32		500,00										
19	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Tân Hà			1.453,53	1.453,53		500,00										
<b>VII.2</b>	<b>CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN HOÀN THÀNH SAU NĂM 2023</b>			<b>3.040.100,51</b>	<b>1.391.168,13</b>		<b>1.112.356,39</b>	<b>157.706,00</b>	<b>105.000,00</b>						<b>52.706,00</b>		<b>20 Công trình</b>
(1)	<b>Công nghiệp</b>			<b>950.096,56</b>	<b>339.834,78</b>		<b>234.258,36</b>	<b>10.000,00</b>	<b>10.000,00</b>								
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013 -2020 ; Trong đó:			950.096,56	339.834,78		234.258,36	10.000,00	10.000,00							Sở Công Thương	
	Đầu tư công trình cấp điện cho 05 thôn chưa có điện lưới Quốc gia: Thôn Khuôn Thảm, xã Tân Mỹ, thôn Khuôn Lãm, xã Tri Phú, huyện Chiêm Hóa; Thôn Vàng On, xã Trung Minh, Thôn Khuổi Ma, thôn Tầu Lín xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn				27.530,00		10.545,00	10.000,00	10.000,00								
(2)	<b>Nông, lâm nghiệp, thủy lợi</b>			<b>425.452,78</b>	<b>54.213,80</b>		<b>181.604,46</b>	<b>25.000,00</b>	<b>25.000,00</b>								
1	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ quét, lũ ống, sạt lở đất rừng phòng hộ đầu nguồn tại thôn Ngòi Cái, xã Tiên Bò, huyện Yên Sơn			83.238,98			42.420,00	10.000,00	10.000,00							UBND huyện Yên Sơn	
2	Dự án đầu tư di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh, Tát Ké xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang			88.000,00			45.000,00	5.000,00	5.000,00							UBND huyện Na Hang	
5	Dự án di dân khẩn cấp tại xóm Dùm, phường Nông Tiến, Thành phố Tuyên Quang			54.213,80	54.213,80		34.084,46	3.000,00	3.000,00							UBND Thành phố Tuyên Quang	
6	Kè chống sạt lở bờ suối xã Cồn Lôn, huyện Na Hang			120.000,00			48.100,00									UBND huyện Na Hang	Năm 2020 bố trí từ nguồn dự phòng NSTW: 48.000 trđ
7	Dự án Khẩn cấp di dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Bàn Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang			80.000,00			12.000,00	7.000,00	7.000,00							UBND huyện Na Hang	Năm 2020 bố trí từ nguồn dự phòng NSTW: 12.000 trđ
(3)	<b>Giao thông</b>			<b>971.300,00</b>	<b>646.553,15</b>		<b>445.119,00</b>	<b>10.000,00</b>							<b>10.000,00</b>		
1	Cải tạo nâng cấp đường Phúc Thịnh - Trung Hà - Bàn Ba, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.	2021-2024		238.300,00	70.061,15		55.019,00									UBND huyện Chiêm Hóa	Bổ trí từ nguồn tăng thu NS, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
2	Xây dựng đường giao thông từ Trường Tiểu Học xã Khuôn Hà đến đèo Kéo Ráo thôn Nà Vàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	2021-2024		98.000,00	98.000,00		65.200,00	10.000,00						10.000,00		UBND huyện Lâm Bình	Năm 2023 dự kiến vốn NSTW: 9.000 trđ
3	Đầu tư xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn (Km14QL2 Tuyên Quang - Hà Giang)	2021-2025		635.000,00	478.492,00		324.900,00									BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Năm 2023, dự kiến vốn NSTW: 88.000 triệu đồng.
(4)	<b>Quản lý Nhà nước</b>			<b>221.685,85</b>	<b>125.402,00</b>		<b>102.600,00</b>	<b>57.000,00</b>	<b>47.000,00</b>						<b>10.000,00</b>		
1	Trụ sở làm việc của Huyện ủy và khối dân, huyện Chiêm Hóa	2021-2023		50.981,00	50.981,00		24.100,00	10.000,00							10.000,00	VP Huyện ủy Chiêm Hóa	
2	Đầu tư xây dựng Nhà công vụ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2021-2023		39.509,00	39.509,00		22.500,00	13.000,00	13.000,00							Bộ CHQS tỉnh	
3	Đầu tư xây dựng Cơ sở làm việc phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, tại địa điểm mới	2021-2024		96.283,85			40.000,00	20.000,00	20.000,00							Công an tỉnh	
4	Xây dựng Nhà làm việc của Báo Tuyên Quang	2021-2023		34.912,00	34.912,00		16.000,00	14.000,00	14.000,00							Báo Tuyên Quang	
(5)	<b>Giáo dục - Đào tạo</b>			<b>178.816,37</b>	<b>69.523,72</b>		<b>33.574,00</b>	<b>32.706,00</b>							<b>32.706,00</b>		



STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2022	KẾ HOẠCH 2023 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Trong đó:									
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng Đất				Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Chi đầu tư	Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị MNPB	Chưa phân bổ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Dự án Hệ thống phân mềm: quản lý kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quản lý các dự án đầu tư; quản lý hệ kinh doanh, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2023-2024		9.500,00			500,00	5.500,00	5.500,00							Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025	2023-2025		37.280,00				5.000,00	5.000,00							Văn phòng Tỉnh ủy	
(5)	<b>Văn hóa - Xã hội</b>							<b>5.000,00</b>	<b>5.000,00</b>								
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu thể thao văn hóa và quảng trường trung tâm huyện Lâm Bình.	2023-2025						5.000,00	5.000,00							UBND huyện Lâm Bình	
(6)	<b>Y tế</b>			<b>18.000,00</b>			<b>200,00</b>	<b>4.000,00</b>	<b>4.000,00</b>								
1	Bệnh viện phục hồi chức năng Hương Sen, tỉnh Tuyên Quang (địa điểm mới)	2023-2024		18.000,00			200,00	4.000,00	4.000,00							Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
(7)	<b>Lập Quy hoạch chung đô thị mới trên địa bàn tỉnh</b>							<b>5.000,00</b>	<b>5.000,00</b>								
1	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn	2023-2024						1.000,00	1.000,00							Sở Xây dựng	
2	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2023-2024						1.000,00	1.000,00							Sở Xây dựng	
3	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa	2023-2024						1.000,00	1.000,00							Sở Xây dựng	
4	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	2023-2024						1.000,00	1.000,00							Sở Xây dựng	
5	Lập quy hoạch chung đô thị, xã Phúc Sơn, huyện Lâm Bình	2023-2024						1.000,00	1.000,00							Sở Xây dựng	
(8)	<b>Lập quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị thuộc khu vực có ý nghĩa quan trọng trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang</b>			<b>12.125,30</b>													Dự án sử dụng vốn Ngân sách tỉnh (nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư)
1	Khu nhà ở đô thị Phương Bắc	2023-2024		844,70												Sở Xây dựng	
2	Chính trang đô thị tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Tân Tiến	2023-2024		487,80												Sở Xây dựng	
3	Khu nhà ở dịch vụ thương mại Phú Lâm	2023-2024		487,80												Sở Xây dựng	
4	Khu đô thị tại xã Lương Vương, thành phố Tuyên Quang	2023-2024		1.959,10												Sở Xây dựng	
5	Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Ý La.	2023-2024		992,40												Sở Xây dựng	
6	Khu đô thị tại phường Ý La.	2023-2024		1.212,50												Sở Xây dựng	
7	Chính trang đô thị tổ dân phố Cầu Mới, thị trấn Tân Yên	2023-2024		750,20												Sở Xây dựng	
8	Khu đô thị mới Kim Phú	2023-2024		1.959,10												Sở Xây dựng	
9	Khu đô thị Tuyên Quang	2023-2024		1.436,10												Sở Xây dựng	
10	Khu dân cư sinh thái Phú Mỹ Hưng	2023-2024		1.995,60												Sở Xây dựng	
<b>IX</b>	<b>CÔNG TRÌNH ĐANG HOÀN THIỆN THỦ TỤC ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH</b>			<b>293.090,00</b>			<b>3.500,00</b>	<b>52.000,00</b>							<b>52.000,00</b>		<b>05 Công trình</b>
1	Sửa chữa, mở rộng mặt đường tuyến ĐT.185 đoạn từ Km184+510 - Km201+250 (ngã ba Năng Khả giao với QL279, huyện Na Hang đến chân đèo Ái Âu huyện Lâm Bình)	2023-2025		65.800,00				20.000,00						20.000,00		Sở Giao thông Vận tải	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 189, đoạn từ xã Tân Thành - xã Phú Luru, huyện Hàm Yên (khoảng 11km)	2023-2025		44.990,00				8.000,00						8.000,00		UBND huyện Hàm Yên	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2022	KẾ HOẠCH 2023 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Trong đó:									
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng Đất				Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Chi đầu tư	Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị MNPB	Chưa phân bổ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
3	Cải tạo, nâng cấp đường DH.02 từ xã Đức Ninh - Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.	2023-2025		76.000,00				10.000,00							10.000,00	UBND huyện Hàm Yên	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
4	Cải tạo, nâng cấp đường DH.05 từ xã Thái Sơn - Thành Long - Bằng Cốc - Nhân Mục, huyện Hàm Yên	2023-2025		96.000,00				10.000,00							10.000,00	UBND huyện Hàm Yên	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
5	Sửa chữa, cải tạo nhà điều trị 3 tầng, Nhà khám chữa bệnh 3 tầng thuộc Trung tâm y tế huyện Na Hang	2023-2024		10.300,00			3.500,00	4.000,00							4.000,00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
<b>X</b>	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>			<b>294.342,32</b>			<b>5.366,66</b>	<b>8.500,00</b>	<b>6.500,00</b>						<b>2.000,00</b>		<b>153 Công trình</b>
<b>(1)</b>	<b>Quản lý Nhà nước</b>						<b>300,00</b>										
1	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc liên cơ quan															Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Cải tạo, nâng cấp Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh						50,00									Bộ CHQS tỉnh	
3	Đầu tư xây dựng mới khối nhà làm việc đảm bảo cơ sở vật chất làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức của Sở Tài nguyên và Môi trường															Sở TN&MT	
4	Xây dựng Hạt kiểm lâm Na Hang						100,00									Sở NN&PTNT	
5	Xây dựng Hạt kiểm lâm Lâm Bình						100,00									Sở NN&PTNT	
6	Xây dựng trụ sở làm việc của Đảng ủy, HDND, UBND thị trấn Sơn Dương															UBND huyện Sơn Dương	
7	Dự án cơ sở làm việc của Công an 50 xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;															Công an tỉnh	(Theo VB số 3469/CAT-HC ngày 17/6/2021 của Công an Tỉnh)
8	Xây dựng trụ sở nhà làm việc trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông															Sở Thông tin và truyền thông	
9	Xây dựng Nhà làm việc của Sở Tư Pháp															Sở Tư pháp	
10	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kho thuộc phòng Hậu cần, Công an tỉnh Tuyên Quang						50,00									Công an tỉnh	
11	Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa																
12	Cải tạo hạng động tự nhiên bảo đảm cho thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 (gồm: Hang cao tại xã Yên Phú, huyện Hàm Yên; Hang Cầu Cá, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa; hang Dung tại xã Công Đa, huyện Yên Sơn; hang Tân Tiến 1, xã Tân Tiến huyện Yên Sơn; hang Hùm tại xã Đạo Viên, huyện Yên Sơn)															Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
<b>(2)</b>	<b>Giao thông</b>			<b>294.342,32</b>			<b>300,00</b>	<b>2.000,00</b>							<b>2.000,00</b>		
1	Đường giao thông nông thôn vào vùng sản xuất nông nghiệp tập trung kết hợp phát triển du lịch sinh thái thôn Bản Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.			14.545,32			200,00									UBND huyện Na Hang	
2	Dự án cầu qua Sông Lô Gầm và đường dẫn cầu từ trung tâm thị trấn Yên Sơn đi xã Tân Long nối với Quốc lộ 2C (giai đoạn 1, 2021-2025 đầu tư xây dựng đường dẫn cầu dài 6 Km)			79.797,00				1.000,00							1.000,00	UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Xây dựng cầu và tuyến đường từ ngã 3 Tân Phúc thị trấn Sơn Dương đi qua các thôn: Tân Hòa, Phúc Hòa và Phúc ứng, tổ dân phố Bắc Hoàng, thị trấn Sơn Dương đến tổ dân phố Lăng Cả thị trấn Sơn Dương đầu nối với đường ĐT.185	2023-2025		200.000,00				1.000,00							1.000,00	UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
4	Xây dựng Cầu và đường từ xã Ninh Lai đi xã Sơn Nam huyện Sơn Dương.															UBND huyện Sơn Dương	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2022	KẾ HOẠCH 2023 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Trong đó:									
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng Đất				Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Chi đầu tư	Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị MNPB	Chưa phân bổ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
5	Tuyến đường giao thông đoạn từ xã Đạo Viên đi xã Công Đa (huyện Yên Sơn) tiếp giáp địa phận xã Trung Yên, huyện Sơn Dương) tỉnh Tuyên Quang															UBND huyện Yên Sơn	
6	Đầu tư xây dựng đường từ xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa đến Thị trấn Na Hang, huyện Na Hang kết nối Quốc lộ 279 đến huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn															Sở Giao Thông Vận tải	
7	Xây dựng đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang															UBND - TPTQ	
8	Dự án cải tạo cầu Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang															BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
9	Xây dựng cầu Minh Xuân - Tráng Đà, thành phố Tuyên Quang															BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
10	Cải tạo, nâng cấp đường từ Km27 Quốc lộ 2 đi thôn Trung Thành 1, xã Thành Long, huyện Hàm Yên.															UBND huyện Hàm Yên	
11	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường ĐT.186 đoạn từ Km15+300 đến Km17+500 huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.															UBND huyện Sơn Dương	
12	Xây dựng đường và Cầu Đen trên đường ĐH.09 huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang															UBND huyện Sơn Dương	
13	ĐTXD tuyến đường từ xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương (Cụm CN Thiên Kế - Ninh Lai) đến xã Đạo Trù để kết nối với đường Tam Đảo - nút giao IC4 cao tốc Nội Bài - Lào Cai tỉnh Vĩnh Phúc															UBND huyện Sơn Dương	
14	Đầu tư xây dựng cầu qua sông Phó Đáy tại xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn															UBND huyện Yên Sơn	
15	Tuyến đường Khu công nghiệp Tam Đa, huyện Sơn Dương đến xã Quang Yên, huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc kết nối với nút giao IC6 cao tốc Nội Bài - Lào Cai															UBND huyện Sơn Dương	
16	Đường từ đường Quốc lộ 2 vào xóm 18, xã Lang Quán, huyện Yên Sơn															UBND huyện Yên Sơn	
17	Đường từ Tru số Ủy ban nhân dân xã Thương Lâm đến đèo Ái Âu, huyện Lâm Bình															UBND huyện Lâm Bình	
18	Đường từ Tát Ngà xã Phúc Yên đến Bến Thúi tại khu vực Nà Năm, xã Thúi Lòa (cũ), huyện Lâm Bình															UBND huyện Lâm Bình	
19	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đầu cầu Nè đến Trường THPT Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang						100,00									UBND huyện Na Hang	
20	Đường và cầu nối từ Quốc Lộ 2C qua khu Bể tròn xã Phúc ứng bắc qua sông Phó Đáy sang tổ dân phố Làng Cá, thị trấn Sơn Dương nối đường ĐT 185															UBND huyện Sơn Dương	
21	Nâng cấp đoạn đường ĐT 186 từ Km 15+300 đến Km 17+500 (đoạn từ UBND xã Tam Đa đi Cụm công nghiệp Tam Đa)															UBND huyện Sơn Dương	
22	Kéo dài Tuyến đường Đông Thọ - Tân Thanh đến xã Hợp Hòa huyện Sơn Dương															UBND huyện Sơn Dương	
23	Đường từ Quốc lộ 2 thị trấn Yên Sơn kết nối với đường Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang.															UBND huyện Yên Sơn	
24	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.188 đoạn từ xã Phúc Ninh đi xã Quý Quán, huyện Yên Sơn															UBND huyện Yên Sơn	
25	Đường từ trung tâm xã Trung Minh kết nối với thôn Láng Phan, xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn															UBND huyện Yên Sơn	
26	Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông trục ngang kết nối Quốc lộ 2 với đường trục phát triển đô thị thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện lỵ Yên Sơn.															UBND huyện Yên Sơn	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2022	KẾ HOẠCH 2023 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Trong đó:									
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng Đất				Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Chi đầu tư	Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị MNPB	Chưa phân bổ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
27	Đường từ QL2 (xã Lương Vương) đi khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang.															UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
28	Đường tránh Quốc lộ 37, đoạn qua thành phố Tuyên Quang															UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
29	Nâng cấp các tuyến đường giao thông trục chính đô thị (đường Phạm Văn Đồng, Quốc lộ 2 cũ, Lê Đại Hành, đường từ Viên Châu đi xã An Khang, đường Trung Môn - Kim Phú (DH.05)).															UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
30	Sửa chữa cầu bắc qua sông Gắm, tổ 4 thị trấn Na Hang																
31	Dự án đường Hang Khào - Bắc Danh kết nối với Quốc lộ 2C, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang																
32	Mở mới tuyến đường tránh thị trấn Sơn Dương từ tổ dân phố Lăng Cà đi tổ dân phố Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang																
33	Xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường 13B kéo dài từ Tổ dân phố Thịnh Tiến đến tổ dân phố Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương																
34	Xây dựng đường Đường Kim Bình -Bình Nhân huyện Chiêm Hóa																
35	Xây dựng đường đô thị dọc hai bờ sông Phó Đáy trên địa bàn Thị trấn Sơn Dương kết hợp xây đập dâng nước tại khu vực hạ lưu sông Phó Đáy, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang																
36	Xây dựng tuyến đường kết nối vùng từ thôn Phúc Vương xã Phúc Ứng đi qua UBND xã Phúc Ứng đến thôn Lăng Mông, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang																
37	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 185 đoạn từ Km173+400 - Km204+500, Ngã ba cầu Ba Đạo - xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.																
38	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 188 đoạn từ Km0 - Km48+00 (Km151+600, QL.2 - thôn Vinh Báo, thị trấn Vinh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang).																
39	Dự án đường giao thông từ Quốc lộ 37 (xã Thái Bình) - xã Công Đa - xã Đạo Viên - Xã Kiến Thiết																
40	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.185 (đoạn từ Cầu Treo đến thôn Khuổi Cứng, xã Xuân Lập, huyện Lâm Bình																
41	Tuyến đường Kim Bình - Tri Phú - Linh Phú (giáp với xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn)																
42	Đường từ Hang Khào, thị trấn Na Hang đi Lũng Giang, Nà Khá xã Năng Khá giao với QL.279																
43	Đường giao thông Hồng Quang - Thượng Minh, xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình																
(3)	<b>Giáo dục đào tạo, việc làm và dạy nghề</b>						150,00										
1	Trường THCS Trung Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Gồm Nhà lớp học 3 tầng, 12 phòng; Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng; Nhà chức năng 2 tầng 8 phòng; Nhà đa năng 1 tầng; Các hạng mục phụ trợ; lắp đặt trang thiết bị các phòng)															UBND huyện Yên Sơn	
2	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS - THPT Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.															Sở Tài chính	
3	Dự án xây dựng Trường THPT Tân Trào, thành phố Tuyên Quang (tại địa điểm mới)															Sở Giáo dục và Đào tạo	











STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bỏ tri đến năm 2022	KẾ HOẠCH 2023 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
								Trong đó:									
								Tổng số	XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng Đất				Nguồn tăng thu NS, nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
											Tổng số	Chi đầu tư	Chi trả nợ gốc và lãi Chương trình đô thị MNPB	Chưa phân bổ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Xây dựng hệ thống thoát nước trên các trục đường chính đô thị: Đường Nguyễn Tất Thành, đường Tân Trào, đường 17/8, đường Kim Bình, đường Bình Thuận, đường Lý Thái Tổ, đường QL2 cũ,...															UBND thành phố TQ	(Chương trình phát triển đô thị TPTQ)
2	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Hàm Yên																
3	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý chất thải, huyện Na Hang																
4	Nâng cấp mở rộng hệ thống cung cấp nước sạch huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang																
5	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang																
6	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý rác thải tỉnh Tuyên Quang																
7	Nhà máy xử lý nước thải thành phố Tuyên Quang																
<b>XI</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>							<b>26.340,00</b>		<b>2.200,00</b>	<b>24.140,00</b>	<b>24.140,00</b>					<b>Có kế hoạch phân bổ riêng</b>
<b>1</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>							<b>26.340,00</b>		<b>2.200,00</b>	<b>24.140,00</b>	<b>24.140,00</b>					
	- Nâng cấp Trạm y tế Yên Lâm, huyện Hàm Yên (theo QĐ số 360/QĐ-UBND ngày 08/6/2021)							2.200,00		2.200,00							
<b>2</b>	<b>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững</b>																
<b>3</b>	<b>Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030</b>																
<b>XII</b>	<b>QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN</b>							<b>2.000,00</b>							<b>2.000,00</b>		
<b>1</b>	Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Na Hang - Lâm Bình	2023-2024						2.000,00							2.000,00	Sở Xây dựng	
<b>XIII</b>	<b>VỐN ĐIỀU LỆ QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>							<b>3.000,00</b>							<b>3.000,00</b>		
<b>XIV</b>	<b>VỐN ỦY THÁC QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH</b>							<b>8.000,00</b>							<b>8.000,00</b>		
<b>XV</b>	<b>VỐN NSDP ĐỐI ỨNG GPMB - DỰ ÁN THÀNH PHẦN SỐ 4, XỬ LÝ SẠT LỖ CẤP BÁCH SỐNG, SUỐI TỈNH TUYÊN QUANG THUỘC DỰ ÁN XỬ LÝ SẠT LỖ CẤP BÁCH SỐNG, SUỐI MỘT SỐ TỈNH MNPB</b>							<b>6.000,00</b>	<b>6.000,00</b>							Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Dự án sử dụng vốn NSTW do Bộ NN&PTNT quản lý
<b>XVI</b>	<b>CÔNG TRÌNH DO TỈNH BẮC CẠN LÂM CHỦ ĐẦU TƯ</b>																
<b>1</b>	Xây dựng tuyến đường trên địa phận huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang thuộc Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang.	2021-2025														UBND tỉnh Bắc Cạn	

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**  
**CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHỜ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị : Triệu đồng*

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2022	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>9.930.193,13</b>	<b>9.088.640,36</b>	<b>182.226,68</b>	<b>8.054.035,14</b>		
<b>(1)</b>	<b>Nông, lâm nghiệp, thủy lợi</b>			<b>1.174.094,61</b>	<b>1.118.862,13</b>		<b>1.050.234,14</b>		
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Phai Kẽm, huyện Hàm Yên			14.992,71	14.992,71		14.407,00	UBND huyện Hàm Yên	Vốn TPCP
2	Kè bờ sông Lô thị xã Tuyên Quang (TPTQ)			385.624,47	381.937,00		376.524,63	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn TPCP (Đã quyết toán một số hạng mục: 299.696,77 triệu đồng, đang QT các hạng mục còn lại)
3	Dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư xã Sơn Phú, huyện Na Hang			49.966,00	49.966,00		48.424,20	Chi cục phát triển nông thôn	Dự án xin vốn NSTW
4	Khắc phục khẩn cấp sự cố tuyến đê tả Lô từ Vĩnh Lợi - Lâm Xuyên (nay là xã Trường Sinh), đoạn qua xã Đông Thọ và xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương			28.028,78	28.028,78		28.028,78	Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Vốn dự phòng NSTW
5	Cải tạo, nâng cấp CSHT phát triển vùng sản xuất chè tập trung, an toàn, chất lượng cao tỉnh Tuyên Quang			105.000,00	82.759,90		36.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn đối ứng Ngân sách địa phương (Dự án trung ương đầu tư)
6	Cải tạo, nâng cấp CSHT phát triển vùng cam sành trên địa bàn huyện Hàm Yên			85.000,00	84.982,00		58.000,00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	(Đã quyết toán một số hạng mục: 57.445,62 triệu đồng)
7	Các công trình, hạng mục công trình hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán chưa bố trí đủ vốn thuộc Dự án di dân, tái định cư thủy điện Tuyên Quang theo QĐ số 08/2007/QĐ-TTg ngày 12/01/2007						33.992,73	(Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng)	
8	Dự án Kè bảo vệ bờ sông Gâm hạ lưu nhà máy thủy điện Tuyên Quang, khu vực thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang			297.701,34	297.701,34		291.130,00	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	
9	Dự án xây dựng hạ tầng thiết yếu đảm bảo ổn định đời sống dân cư khu vực xã Bình Yên và thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		100.000,00	100.000,00		90.000,00	UBND huyện Sơn Dương	
10	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm sạt lở, sụt lún đất thôn Nà Đứa, xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2020-2022		44.181,32	44.181,32		40.000,00	UBND huyện Na Hang	
11	Xử lý khẩn cấp đảm bảo an toàn đoạn đê thôn Hưng Thịnh, xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương;	2020-2021		14.900,00	14.900,00		14.671,26	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	(Đã quyết toán 14.658,41 triệu đồng)
12	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Đèo Hoa, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	2013-2015		48.700,00	19.413,09		19.055,54	Sở NN&PTNT	Dự án xin vốn của TW (đã phê duyệt quyết toán GĐ1: 12.055,54 trđ)
<b>(2)</b>	<b>Giao thông</b>			<b>3.379.646,16</b>	<b>2.839.108,96</b>		<b>2.514.739,39</b>		
1	Nâng cấp đường Lãng Can - Xuân Lập (giai đoạn 2), huyện Lâm Bình			108.562,00	108.562,00		93.309,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Đã PDQT: 93.783,42 triệu đồng, Dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh
2	Công trình nâng cấp đường Lãng Can - Xuân Lập (Giai đoạn 1), huyện Lâm Bình	2013-2017		79.776,55	79.776,55		76.447,24	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Đã PDQT: 76.655,36 trđ, Dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2022	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường ĐT.186, đoạn từ Km0+00 - Km58+900 thuộc địa phận huyện Sơn Dương	2020-2023		155.044,10	155.044,10		135.600,00	Sở Giao thông Vận tải	Đã PDQT: 150.120,68 trđ, Dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh
4	Đường nội bộ từ trụ sở Tỉnh ủy đến Nhà khách Kim Bình, bãi đỗ xe, kè bảo vệ chống sạt lở và cải tạo sân, vườn khu vực Tỉnh ủy;	2020-2022		31.481,10	31.481,10		28.297,74	Văn phòng Tỉnh ủy	
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ Km170+600 Quốc lộ 2C đến thôn Đồng Khăn, xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	2021-2023		29.400,00	29.400,00		29.400,00	Sở Tài chính	
6	Cầu Chình, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa trên tuyến đường vào khu di tích Sở Đức Tiên Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2020-2022		38.747,13	32.225,18		29.715,00	Sở Tài chính	
7	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối QL2C với khu Di tích Sở Đức tiên, Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc và khu trung tâm xã Bình nhân, huyện Chiêm Hóa	2020-2022		18.006,38	18.006,38		17.560,00	Sở Tài chính	
8	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi các khu di tích Bộ Tài chính và các Bộ, ngành tại xã Tú Thịnh và xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2021-2023		72.000,00	72.000,00		66.500,00	Sở Tài chính	
9	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường vào Khu di tích Sở Đức tiên, khu di tích Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân (đoạn từ thôn Đồng Tâm đi thôn Đồng Quắc xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa)	2021-2023		18.200,00	18.200,00		14.700,00	Sở Tài chính	
10	Cầu bê tông cốt thép từ khu tái định cư Phai Khăn đi Nà Mù, thôn Phai Khăn, xã Đà Vị, huyện Na Hang			14.904,00	14.904,00		14.200,00	UBND huyện Na Hang	
11	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Đồng Lợi, huyện Sơn Dương	2021-2022		8.000,00	8.000,00		7.000,00	UBND huyện Sơn Dương	
12	XD đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu trung tâm huyện lỵ Yên Sơn (tại địa điểm mới);	2011-2017		70.005,00	70.005,00		58.501,30	UBND huyện Yên Sơn	
13	Đường Phù Lưu - Minh Dân - Minh Khương, huyện Hàm Yên (Giai đoạn 2)			103.602,31	103.602,31		85.283,14	UBND huyện Hàm Yên	
14	Đường giao thông từ xã Hồng Quang đi xã Bình An, huyện Lâm Bình		L=12.035m	130.274,90	100.919,515		94.190,00	UBND huyện Lâm Bình	
15	Cải tạo, nâng cấp Đại lộ Tân Trào, từ ngã ba Chanh Km208+990 QL37 qua đốc Đò đến ngã ba giao với đường 17/8 (Đoạn từ công thành nhà Mạc đến Trung tâm Hội nghị tỉnh)	2011-2015	L=3,7km	279.085,65	129.962,27		124.819,67	UBND - TPTQ	
16	Dự án xây dựng cầu Tỉnh Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	2017-2020		852.219,54	822.284,00		766.977,00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn TPCP + NSDP
17	Xây dựng tuyến đường từ khu TĐC Km13 đến tuyến A-B, thị trấn huyện lỵ Yên Sơn	2016-2017		8.056,38	8.056,38		7.300,00	UBND huyện Yên Sơn	
18	Cải tạo nâng cấp đường từ xã Thượng âm đi xã Đại phú, huyện Sơn Dương	2009-2013	L=47km	159.341,13	159.341,13		152.000,00	UBND huyện Sơn Dương	Vốn TPCP
19	Đường Nhân Mục - Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2015-2016	L=4km	14.105,81	14.105,81		13.866,37	UBND huyện Hàm Yên	
20	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Thanh (từ Km138+830 QL2 đi QL2C)	2013-2015	L=2,3km	42.320,70	39.209,84		39.181,00	UBND thành phố Tuyên Quang	
21	Đường vào khu xử lý rác xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2011-2013		18.967,22	18.967,22		14.200,00	UBND huyện Yên Sơn	
22	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông khu vực trung tâm huyện Lâm Bình	2016-2020		113.899,60	113.899,60		97.000,00	UBND huyện Lâm Bình	
23	Xây dựng cầu cứng và đường từ Quốc lộ 2C vào khu di tích Sở Đức Tiên Bộ Tài Chính tại xã Bình Nhân - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	2018-2020		49.997,26	49.997,26		49.997,62	Sở Tài chính	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2022	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
24	Đường từ Quốc lộ 2 vào Trụ sở làm việc của Huyện ủy và UBND huyện Hàm Yên			14.997,35	14.997,35		12.931,53	UBND huyện Hàm Yên	
25	Đường giao thông từ đường DH.03 Phú Bình - Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa đến Di tích Bộ Tài chính, thôn Nà Lãng, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	2020-2022		14.726,99	14.726,99		14.169,00	Sở Tài chính	Vốn NS tỉnh
26	Sửa chữa nền, mặt đường tuyến ĐT.185 đoạn từ Km236+500 - Km248+510 (Phúc Yên - Khau Cau), huyện Lâm Bình	2018-2020		65.395,93	50.188,00		50.188,00	Sở Giao thông Vận tải	
27	Đường Phù Lưu - Minh Dân - Minh Khương, huyện Hàm Yên (Giai đoạn 2)			103.602,31	103.602,31		85.283,14	UBND huyện Hàm Yên	
28	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Khuôn Phươn, huyện Na Hang	2016-2020		82.202,00	64.724,54		27.000,00	UBND huyện Na Hang	
29	Đường cứu hộ, cứu nạn từ đường Quang Trung đến Km14 đến QL2, tỉnh Tuyên Quang (Quyết toán phần dừng thực hiện)			351.041,00	61.236,30		61.236,30	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	(Đã PDQT: 61.236,3 trđ)
30	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Hồng Quang đi thôn Thượng Minh, xã Hồng Quang huyện Lâm Bình	2020-2021		7.991,82	7.991,82		7.168,00	Ban Dân tộc	
31	Dự án 02 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đầu nối với các tuyến QL37, QL2C, đường Hồ Chí Minh liên kết với đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Lào Cai-Nội Bài	2016-2020		323.692,01	323.692,01		240.718,34	UBND thành phố Tuyên Quang	
	Tuyến số 1: Điểm đầu tuyến giao với QL2C (Km 135+00 tại khu vực cầu Thôn Thượng, xã Tráng Đà, thành phố Tuyên Quang), điểm cuối tuyến tại nút giao QL37, QL2C và đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Thái Bình, huyện Yên Sơn				278.391,93		217.648,79		Hằng năm bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách của UBND thành phố Tuyên Quang
	Tuyến số 02 (Địa phận phường Tân Quang, Minh Xuân)				45.300,07		23.069,55		
<b>(3)</b>	<b>Văn hóa - xã hội</b>			<b>728.072,95</b>	<b>706.650,59</b>		<b>652.616,70</b>		
1	Cải tạo, mở rộng phòng Lễ tân tầng 1, Trung tâm hội nghị tỉnh TQ			3.500,00	3.500,00		3.500,00	Văn phòng UBND tỉnh	
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao thanh, thiếu nhi tỉnh Tuyên Quang.			2.756,33	2.801,00		2.800,00	BCH Đoàn tỉnh Tuyên Quang.	
3	Xây dựng biển giáp ranh các tỉnh Vĩnh Phúc và Hà Giang	2020-2021		2.500,00	2.500,00		2.500,00	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
4	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.	2021-2022		2.347,38	2.347,38		2.000,00	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
5	Dự án đầu tư xây dựng (giai đoạn 1) Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang			24.940,28	24.940,28		21.992,05	BQL các Khu du lịch tỉnh TQ	
6	ĐTXD cơ sở Hạ tầng Khu du lịch sinh thái Na Hang	2016-2020		100.000,00	92.421,73		84.000,00	UBND huyện Na Hang	
7	Xây dựng nhà khách Kim Bình tỉnh Tuyên Quang	2008-2011		82.358,55	82.358,55		79.772,70	VP Tỉnh ủy	
8	Mở rộng phòng ăn tầng 1, xây mới nhà bếp và làm sảnh đón khách có mái che của nhà khách Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang	2015-2016		14.998,08	14.998,08		14.225,30	Văn phòng Tỉnh ủy	
9	Quy hoạch, xây dựng mở rộng khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2019-2022		28.553,42	28.553,42		25.682,49	UBND huyện Yên Sơn	
10	Xây dựng mở rộng khu tái định cư di chuyển các hộ dân khu xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2012-2013		7.711,53	7.711,53		7.354,16	UBND huyện Yên Sơn	



STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2022	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Hạ tầng Khu di tích thắng cảnh Động Tiên, huyện Hàm Yên			31.638,83	31.638,83		27.137,00	UBND huyện Hàm Yên	
12	ĐT XD công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		86.350,00	86.350,00		78.000,00	BQL các Khu du lịch tỉnh TQ	CTMT Phát triển Hạ tầng Du lịch
13	Công trình di chuyển đường điện và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang	2011-2013		8.065,30	8.065,30		7.445,00	BQL các Khu du lịch tỉnh	
14	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do thôn Ngòi Sen, Tháng 10, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên	2012-2015		32.016,00	32.016,00		28.900,00	UBND huyện Hàm Yên	
15	Hỗ trợ Đầu tư, tôn tạo xây dựng Di tích thành lập Chi bộ Mỏ Than (Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Tuyên Quang)	2018-2020		9.383,66	9.383,66		5.000,00	UBND - TPTQ	Vốn NS tỉnh hỗ trợ: 5.000 trđ
16	Trùng tu nâng cấp, xây dựng bia di tích và hàng rào bảo vệ Khu di tích ngành Tài chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2019-2021		31.552,00	31.552,00		31.852,00	Sở Tài Chính	
17	Dự án Đóng ô chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	2020-2021		7.064,80	7.064,80		5.000,00	UBND huyện Yên Sơn	Số vốn còn thiếu bố trí từ Quỹ bảo vệ MT
18	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Bình An	2016-2019		58.153,59	58.153,59		52.500,00	BQL các khu CN tỉnh Tuyên Quang	
19	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giải phóng mặt bằng khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng công cộng thuộc khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn ( <i>nay là phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang</i> ): Năm 2022 bố trí vốn để hoàn trả kinh phí đã ứng trước của nhà đầu tư			19.183,20	19.183,20		17.547,00	UBND huyện Yên Sơn	Năm 2022 bố trí vốn để hoàn trả kinh phí đã ứng trước của nhà đầu tư: 6.820,794 trđ
20	Gia cố chống sạt lở bờ sông Khu tưởng niệm liệt sĩ ngành Tài chính tại xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	2022		5.000,00	5.000,00		5.000,00	Sở Tài chính	
21	Nâng cấp cơ sở hạ tầng thị trấn Na Hang lên Thị xã Na Hang	2016-2020		170.000,00	156.111,25		150.409,00	UBND huyện Na Hang	
	<i>Trong đó:</i>								
	- Hạng mục xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính từ công trường cấp 3 Na Hang đến BQL đô thị (cũ)					108.278,00	108.278,00		
	- Hạng mục công trình Quảng trường và Nhà văn hóa thể thao					47.833,25	42.131,00		
<b>(4)</b>	<b>Y tế:</b>			<b>445.760,54</b>	<b>443.760,51</b>		<b>407.388,71</b>		
1	Xây dựng Trạm Y tế xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình	2017-2018		4.367,54	4.367,54		4.132,17	UBND huyện Lâm Bình	
2	Xây dựng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang (Địa điểm mới)	2011-2014	200 giường	268.898,85	268.898,82		268.890,00	Bệnh viện Lao và Phổi - TQ	Vốn TPCP
3	Xây dựng Bệnh viện đa khoa, huyện Lâm Bình	2013-2019		164.932,14	162.932,14		127.366,54	UBND huyện Lâm Bình	(đã PDQT: 26.800 trđ, Đang quyết toán các hạng mục còn lại)
4	Cải tạo, Sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Y tế	2022-2023		4.962,00	4.962,00		4.400,00	Sở Y tế	
5	Sửa chữa nhà điều trị bệnh nhân Khối ngoại, Khối nội, Phụ sản và các chuyên khoa của Bệnh viện đa khoa tỉnh	2020		2.600,00	2.600,00		2.600,00	Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	
<b>(5)</b>	<b>Quản lý Nhà nước + An ninh Quốc phòng:</b>			<b>545.942,77</b>	<b>504.825,09</b>		<b>365.907,21</b>		
1	Trụ sở xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn	2008-2009		2.853,41	2.853,41		2.800,00	UBND huyện Yên Sơn	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2022	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Nhà công vụ thuộc Dự án Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình	2019-2021		19.950,00	19.950,00		15.900,00	UBND huyện Lâm Bình	
3	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND huyện Hàm Yên (tại địa điểm mới)	2017-2021		51.864,16	51.864,16		38.697,71	UBND huyện Hàm Yên	
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trụ sở Công an tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 2)	2016-2020		84.104,24	84.104,24			Công an tỉnh	
5	Trụ sở UBND xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên	2014-2015		5.065,48	5.065,48		4.707,54	UBND huyện Hàm Yên	
6	Trụ sở UBND xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa	2017-2020		7.127,44	7.127,44		6.650,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
7	Trụ sở UBND xã Trung Trục, huyện Yên Sơn	2017-2020		5.730,16	5.730,16		5.177,00	UBND huyện Yên Sơn	Đã PDQT tại QĐ số 1791/QĐ-UBND ngày 07/12/2022
8	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc Tỉnh ủy	2013-2014		2.178,67	2.178,67		2.100,00	VP Tỉnh ủy	
9	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Tỉnh ủy			14.811,85	14.811,85		11.866,90	VP Tỉnh ủy	
10	Hội trường và công trình HT kỹ thuật của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Yên Sơn	2009-2013		82.222,48	81.683,45		79.709,80	UBND huyện Yên Sơn	
11	Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hoá	2010-2011		4.592,58	4.592,58		4.100,00	UBND huyện CH	
12	Sửa chữa, xây dựng bổ sung Nhà làm việc Sở VH TT & DL	2013-2015		14.992,47	14.992,47		14.172,00	Sở VH TT & DL	
13	Ứng dụng công nghệ thông tin đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020	2018-2021		46.251,00	43.000,00		30.000,00	Sở TT & TT	
14	Kho bảo quản vật chứng là vũ khí, vật liệu nổ	2019-2020		3.980,697	3.980,697		2.700,00	BCH Quân sự tỉnh	
15	Trụ sở UBND xã Bình Yên, huyện Sơn Dương	2021-2023		10.000,000	10.000,000		9.500,00	UBND huyện Sơn Dương	
16	Trụ sở UBND xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	2021-2023		10.000,000	10.000,000		9.500,00	UBND huyện Sơn Dương	
17	Xây dựng Trụ sở làm việc Hạt kiểm lâm Yên Sơn	2020-2021		6.585,781	6.585,781		5.895,30	Hạt kiểm lâm huyện Yên Sơn	
18	Cải tạo, xây dựng phòng Studio của Báo Tuyên Quang	2022		2.686,800	2.686,800		2.600,00	Báo Tuyên Quang	
19	Sửa chữa, cải tạo, mua sắm, thay thế các tài sản, công cụ, dụng cụ Nhà khách Kim Bình, Văn phòng Tỉnh ủy.	2020-2021		5.036,854	5.036,854		4.800,00	Văn phòng Tỉnh ủy	
20	Xây dựng nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Tuyên Quang.	2020-2021		8.829,570	8.829,570		8.030,97	UBMT Tổ quốc tỉnh	
21	Xây dựng Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		45.373,870	45.373,870		42.000,00	Sở KH & CN	
22	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Tuyên Quang	2014-2025		111.705,259	74.377,600		65.000,00	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự án xin vốn Bộ, ngành TW
(6)	<b>Giáo dục</b>			<b>2.457.833,52</b>	<b>2.296.851,01</b>		<b>2.032.526,73</b>		
1	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tân Trào, thành phố Tuyên Quang	2021-2023		5.222,29	5.222,29		5.100,00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	

